

Đề bảo đảm giá trị vốn của người góp vào hợp tác xã, cổ phần hùn cũng được quy đổi thành số lượng sản phẩm trên cơ sở giá cả thỏa thuận.

IV. XÁC ĐỊNH TƯ CÁCH XÃ VIÊN

Tất cả các hợp tác xã khi tiến hành học tập thực hiện Điều lệ hợp tác xã và vào dịp tổng kết hàng năm đều phải căn cứ vào quy định của Điều lệ để phân loại những người còn đủ tư cách xã viên và những người không đủ tư cách xã viên cần xem xét quyết định đưa ra khỏi hợp tác xã, không kể là cán bộ hay xã viên.

Những người được công nhận đủ tư cách xã viên phải có 2 tiêu chuẩn:

— Chấp hành đúng chính sách, luật pháp của Nhà nước, điều lệ, nội quy hợp tác xã.

— Đóng đủ 2 loại cổ phần (cổ phần tập thể hóa và cổ phần chi phí sản xuất). Trường hợp còn thiếu cũng không kéo dài quá thời hạn 3 năm. Những xã viên dấy đưa kéo dài không đóng đủ cổ phần xem như không đủ tư cách và cần đưa ra khỏi hợp tác xã.

Việc soát xét phân loại xã viên phải được tiến hành từ đơn vị sản xuất. Những người không đủ tư cách xã viên phải đưa ra khỏi hợp tác xã do đại hội xã viên xem xét và quyết định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Quyết định số 31-HĐBT ngày 14-2-1987 của Hội đồng Bộ trưởng về việc sửa đổi điều 19 của Điều lệ Hợp tác xã thủy sản có ý nghĩa lớn đối với việc xây dựng, củng cố và phát triển hợp tác xã nghề cá. Vì vậy việc chỉ đạo thực hiện phải được tiến hành chặt chẽ và nghiêm túc.

1. Theo Quyết định của Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương cần

có chủ trương, biện pháp chỉ đạo việc thực hiện quyết định này ở địa phương.

Các Sở Thủy sản cần giúp Ủy ban Nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện Quyết định số 31-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng và Thông tư hướng dẫn của Bộ.

2. Nhân dịp này tất cả các hợp tác xã, đặc biệt các hợp tác xã còn có vướng mắc trong việc giải quyết tiền thừa cổ phần hoặc những hợp tác xã có giá trị cổ phần còn thấp, xã viên còn nợ cổ phần, v.v.. cần liên hệ đối chiếu với Điều lệ hợp tác xã, Quyết định số 31-HĐBT và Thông tư hướng dẫn của Bộ để có biện pháp điều chỉnh, giải quyết phù hợp, đúng đắn.

3. Mỗi tỉnh cần chỉ đạo một số hợp tác xã làm trước để rút kinh nghiệm chung. Trong quá trình chỉ đạo thực hiện nếu có vấn đề gì vướng mắc cần báo cáo về Bộ để kịp thời nghiên cứu hướng dẫn bổ sung.

Thông tư này cần được tổ chức phổ biến đến các hợp tác xã và các xã viên.

K.T. Bộ trưởng Bộ Thủy sản
Thủ trưởng
VÕ VĂN TRÁC

TỔNG CỤC HẢI QUAN

QUYẾT ĐỊNH của Tổng cục Hải quan số 516-TCHQ/PC ngày 17-4-1987 về việc ban hành danh mục hàng cấm xuất, nhập khẩu và xuất, nhập khẩu có điều kiện bằng đường phi mậu dịch.

TỔNG CỤC TRƯỞNG
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;

Căn cứ Nghị định số 139-HĐBT ngày 20-10-1984 của Hội đồng Bộ trưởng quy

định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức Tổng cục Hải quan;

Căn cứ Quyết định số 126-CT và Thông tư số 128-CT ngày 10-4-1987 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc sửa đổi, bổ sung chế độ nhận tiền và hàng do người Việt Nam định cư ở các nước ngoài hệ thống xã hội chủ nghĩa gửi về giúp gia đình;

Sau khi trao đổi thống nhất với các ngành có liên quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục hàng cấm xuất khẩu và xuất khẩu có điều kiện bằng đường phi mậu dịch và Danh mục hàng cấm nhập khẩu và nhập khẩu có điều kiện bằng đường phi mậu dịch.

Điều 2. — Các danh mục này được áp dụng chung cho tất cả những người có hành lý, quà biếu, hàng tiếp tế, tài sản di chuyển và các loại hàng phi mậu dịch khác xuất khẩu và nhập khẩu.

Điều 3. — Các danh mục hàng cấm xuất nhập khẩu và xuất nhập khẩu có điều kiện bằng đường phi mậu dịch trước đây trái với các danh mục này đều bãi bỏ.

Điều 4. — Quyết định này thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. — Cục trưởng Cục Giám quản, Cục trưởng Cục Kiểm soát tổ tụng Tổng cục Hải quan; Giám đốc Hải quan các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức Nhà nước, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội và các cá nhân có hàng xuất nhập khẩu bằng đường phi mậu dịch có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan
Phó Tổng cục trưởng
LÂM VĂN ĐỘ

DANH MỤC các loại hàng cấm xuất khẩu và xuất khẩu có điều kiện bằng đường phi mậu dịch

(kèm theo Quyết định số 516-TCHQ/PC ngày 17-4-1987 của Tổng cục Hải quan).

1. Các loại vũ khí (như vũ khí quân dụng, súng thể thao quốc phòng, đạn quân dụng và thể thao quốc phòng, vũ khí thô sơ); chất nổ, chất dễ cháy; quân trang.

2. Máy vô tuyến điện, các loại máy thu thanh, thu hình, video (bộ hoàn chỉnh hoặc từng máy riêng lẻ), máy tính điện tử máy điều hòa khí hậu, quạt máy do Việt Nam nhập khẩu (trừ trường hợp người xuất cảnh tái xuất các thứ kể trên; hoặc đã mua ở cửa hàng của Nhà nước Việt Nam bán thu ngoại tệ và có hóa đơn thanh toán).

3. Ô-tô, xe gắn máy, mô-tô do Việt Nam nhập khẩu (trừ trường hợp đã nói cho loại hàng số 2 trên).

4. Tem bưu điện sống và chết (trừ trường hợp do Tổng cục Bưu điện cho phép).

5. Kim khí quý nguyên chất hay hợp kim, đá quý, ngọc trai, kim cương thiên nhiên hay nhân tạo, các loại tiền, hối phiếu, ngân phiếu có giá trị thay tiền kể cả tiền Việt Nam (trừ những người xuất cảnh tái xuất hoặc được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép).

6. Đồ thủ công mỹ nghệ mạ vàng, mạ bạc (trừ trường hợp có hóa đơn hợp lệ của cửa hàng mỹ nghệ vàng bạc quốc doanh).

7. Thuốc phiện, các loại ma túy, nguyên liệu và dụng cụ chế biến và sử dụng các chất này; thuốc gây nghiện, gây mê; các chất độc.

8. Các loại hóa chất (trừ trường hợp có giấy phép của cơ quan hóa chất).

9. Bản viết tốc ký, mật mã bằng chữ hay bằng số.

10. Mọi tài liệu (khoa học kỹ thuật, kinh tế - chính trị) bản in, bản thảo, bản in kẽm, bản in giấy sấp, tranh ảnh, tượng, sách báo, đĩa hát, băng nhạc, băng đã ghi âm, băng đã ghi hình, phim chiếu bóng và những vật phẩm khác mà nội dung có liên quan đến bí mật quốc gia, các loại phim đã quay đã chụp nhưng chưa tráng (trừ trường hợp có giấy phép của cơ quan Văn hóa đối với những vật phẩm thuộc chức năng quản lý của cơ quan Văn hóa hoặc giấy phép của cơ quan An ninh đối với những vật phẩm mà nội dung có liên quan đến bí mật quốc gia).

11. Các tài liệu khoa học, báo cáo, tài liệu nghiên cứu, số liệu điều tra cơ bản và các loại mô tả khoáng vật địa chất, các loại giống động vật, thực vật... (Trong trường hợp cần thiết mang ra nước ngoài phục vụ cho nghiên cứu, thí nghiệm khoa học kỹ thuật làm luận án, đề án tốt nghiệp hoặc hợp tác khoa học kỹ thuật, phải có giấy phép của Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước).

12. Các loại vật tư thiết bị khoa học đã nhập vào Việt Nam.

13. Đồ vật, tranh ảnh, tài liệu, sách báo, đồ mỹ thuật quý có liên quan đến Cách mạng Việt Nam, lịch sử, văn hóa nghệ thuật, phát minh sáng chế thuộc diện quản lý của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (trừ trường hợp có giấy phép của cơ quan Văn hóa hoặc xuất bản bán công khai có ghi giá).

14. Những sơ đồ, hoành đồ và những tài liệu khác có tính chất quân sự.

15. Các tiêu bản côn trùng, khoáng vật, động vật, thực vật quý của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (trừ trường hợp có giấy phép của các cơ quan Nhà nước có chức năng quản lý cho phép).

16. Các loại động vật sống thuộc loại quý hiếm, kể cả sản phẩm của các loại động vật này như ngà voi, đồi mồi, vẩy

tê tê, da hổ, da báo, da trăn (trừ trường hợp của cơ quan nghiên cứu khoa học kỹ thuật được các cơ quan Nhà nước có chức năng quản lý cho phép).

17. Các chất tươi sống dễ bị ôi thối mà không có bao bì bảo quản thích hợp; các chất có hại đến vệ sinh chung.

18. Nông, lâm, thổ, hải sản và hàng thủ công mỹ nghệ thuộc diện thống nhất quản lý của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (trừ trường hợp có hóa đơn mua tại các cửa hàng có đăng ký mẫu hóa đơn với Hải quan, nếu không thì phải có giấy phép của cơ quan Hải quan).

19. Hạt rau giống, cây giống, các loại ngũ cốc (trừ trường hợp có giấy phép của cơ quan kiểm dịch thực vật).

20. Trầm hương, kỳ nam, quế, các loại tinh dầu thực vật.

21. Các mặt hàng khác mà Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cấm xuất.

K.T. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan
Phó Tổng cục trưởng
LÂM VĂN ĐỘ

DANH MỤC các loại hàng cấm nhập khẩu và nhập khẩu có điều kiện bằng đường phi mậu dịch

(Kèm theo Quyết định số 516-TCHQ/PC ngày 17-4-1987 của Tổng cục Hải quan).

1. Các loại vũ khí (như vũ khí quân dụng, súng thể thao quốc phòng, đạn quân dụng và thể thao quốc phòng, vũ khí thô sơ); chất nổ, chất dễ cháy; quân trang. (Riêng súng săn phải có giấy phép của Bộ Nội vụ trước khi nhập).

2. Máy vô tuyến điện, máy điện thoại, điện tín và phụ tùng (trừ máy video cassette do Bộ Văn hóa quy định và cho phép).

3. Tem bưu điện sống và chết (trừ trường hợp do Tổng cục Bưu điện cho phép).

4. Tiền Việt Nam, hối phiếu, ngân phiếu và các loại giấy tờ có giá trị thanh toán đều không được dùng để gửi trong quà biếu (Trừ trường hợp là hành khách nhập cảnh thì tiền Việt Nam khi nhập khẩu phải có giấy phép của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; hối phiếu, ngân phiếu và các loại giấy tờ có giá trị thanh toán mang theo người phải khai báo với Hải quan cửa khẩu và tuân theo quy chế của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).

5. Ngoại tệ; kim khí quý (nguyên chất hay hợp kim); đá quý, ngọc trai, kim cương (thiên nhiên hay nhân tạo) mang theo người khi nhập cảnh đều phải khai báo với Hải quan cửa khẩu. Trường hợp gửi trong quà biếu, nếu có khai báo với Hải quan cửa khẩu thì được xem là hợp pháp và được hưởng các quyền lợi do Ngân hàng Nhà nước quy định. Tất cả các trường hợp giấu giếm không khai báo thì coi như nhập khẩu trái phép, đều bị xử lý theo Điều lệ quản lý ngoại hối và Điều lệ Hải quan hiện hành.

6. Thuốc phiện, các chất ma túy, nguyên liệu và dụng cụ chế biến và sử dụng các chất này; các thuốc gây nghiện, gây mê; các chất độc.

7. Các loại thuốc không có nhãn hiệu, hoặc nhãn hiệu không còn nguyên vẹn, quá hạn dùng, không bảo đảm chất lượng (Kể cả cao đơn hoàn tán) không còn nguyên vẹn bao bì đóng gói (trừ trường hợp là thuốc mang theo người để dùng cho cá nhân lúc đi đường); các loại thuốc không được lưu hành, sử dụng ở nước sản xuất thuốc hoặc ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thuốc hương tâm thần (trừ trường hợp được Sở Y tế tỉnh trở lên cho phép mang đủ theo yêu cầu chữa bệnh).

8. Các loại hóa chất dùng làm nguyên liệu đều phải có giấy phép của Tổng cục Hóa chất trước khi nhập (trong trường hợp hàng đã tới cửa khẩu mà chưa kịp có giấy phép, thì vẫn phải xin phép Tổng cục Hóa chất. Trong thời gian không quá bảy ngày kể từ ngày nhận được đơn, cơ quan chức năng phải trả lời cho đương sự biết kết quả. Nếu quá hạn mà chưa trả lời thì do Hải quan quyết định).

9. Bản viết tốc ký, mật mã bằng chữ hay bằng số.

10. Mọi tài liệu, bản in, bản thảo, bút ký, bản in kẽm, bản in giấy sếp, đĩa hát, băng nhạc, băng ghi âm, băng ghi hình đã ghi, phim chiếu bóng, phim đã chụp đã quay nhưng chưa tráng; tranh ảnh, sách báo, tượng và các vật phẩm khác mà nội dung có phương hại đến chính trị, kinh tế và văn hóa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (trừ trường hợp có giấy phép của cơ quan Văn hóa đối với những vật phẩm thuộc chức năng quản lý của cơ quan Văn hóa hoặc giấy phép của cơ quan An ninh đối với những vật phẩm mà nội dung có liên quan đến an ninh quốc gia; hoặc trong trường hợp chưa rõ nội dung thì cơ quan Văn hóa hoặc An ninh tạm giữ để kiểm tra, và sẽ trả lại nếu được phép nhập trong thời gian không quá mười lăm ngày kể từ ngày tạm giữ).

11. Đường hóa học nguyên chất.

12. Các loại đồ hộp đóng kín (trừ những thứ đóng bằng bao bì trong suốt hoặc có thể mở ra dễ dàng để kiểm tra).

13. Các loại rượu mạnh (trên 40°) (trừ những người nhập cảnh Việt Nam được mang theo trong tiêu chuẩn hành lý).

14. Thuốc lá, kể cả thuốc lá sợi và thuốc lá điếu xì gà (trừ những người nhập cảnh Việt Nam được mang theo trong tiêu chuẩn hành lý).

15. Các chất tươi sống dễ ôi thối, các chất có hại đến vệ sinh chung không được cơ quan kiểm dịch cho phép nhập.

16. Quần áo, vải và những vật phẩm khác có in hình vẽ và chữ không hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam.

17. Các loại quần áo, chăn màn, giày dép đã sử dụng (trừ các hành lý mang theo người khi nhập cảnh hoặc ký gửi trước, sau khi hết thời hạn ở nước ngoài trở về nước).

18. Các mặt hàng khác mà Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cấm nhập khẩu.

K.T. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan
Phó Tổng cục trưởng
LÂM VĂN ĐỘ

THÔNG TƯ của Tổng cục Hải quan số 517-TCHQ/PC ngày 17-4-1987 hướng dẫn thi hành Quyết định số 126-CT và Thông tư số 128-CT ngày 10-4-1987 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 151-HĐBT ngày 31-8-1982 về chế độ nhận tiền và hàng do người Việt Nam định cư ở nước ngoài gửi về giúp gia đình.

Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ra Quyết định số 126-CT và Thông tư số 128-CT về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 151-HĐBT ngày 31-8-1982 về chế độ nhận tiền và hàng do người Việt Nam định cư ở nước ngoài gửi về giúp gia đình.

Thi hành điều 8 Quyết định số 126-CT, Tổng cục Hải quan hướng dẫn thi hành các phần việc có liên quan đến Hải quan đề các cấp Hải quan và các ngành có liên quan thực hiện.

I. VỀ VIỆC ĐEM NGOẠI TỆ QUA CỬA KHẨU

1. Quyết định số 126-CT đã quy định về việc gửi và đem ngoại tệ về nước. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sẽ hướng dẫn cụ thể. Về công tác Hải quan chỉ có liên quan đến những người xuất nhập cảnh có mang theo ngoại tệ vào Việt Nam. Trong đó có những người liên quan đến vấn đề kiều hối.

a) Người nhập cảnh phải khai báo tờ khai hành lý nhập khẩu số ngoại tệ đem theo vào Việt Nam (bao nhiêu tiền, tiền của nước nào, loại gì).

Hải quan cửa khẩu phải hướng dẫn khách khai báo đầy đủ, đúng theo quy định trên tờ khai (chú ý ghi bằng chữ và bằng số số ngoại tệ đem vào).

Tờ khai phải được Trưởng, Phó trưởng Hải quan cửa khẩu hoặc cán bộ được ủy nhiệm xác nhận và đóng dấu thì mới là hợp pháp và hợp thức để sử dụng ở Việt Nam. Như thế trường hợp người có ngoại tệ có khoản nào muốn được thi hành theo chính sách kiều hối, thì mới thuận tiện cho Ngân hàng tính toán cho đương sự.

b) Khi xuất cảnh phải xuất trình với Hải quan cửa khẩu đầy đủ các chứng từ như hóa đơn mua hàng hợp lệ bằng ngoại tệ do các cửa hàng dịch vụ bán thu ngoại tệ cấp; biên lai chuyển đổi ngoại tệ ra tiền Việt Nam theo chính sách kiều hối do Ngân hàng Nhà nước cấp; số ngoại tệ còn lại (nếu có), kèm theo tờ khai hành lý nhập khẩu.

Qua kiểm tra, đối chiếu giữa số ngoại tệ kê khai khi nhập cảnh và các chứng từ xuất trình khi xuất cảnh, nếu thấy hụt đi mà không có xác nhận của Ngân hàng hoặc không có chứng từ hợp pháp, hợp lệ thì coi như chuyển ngân trái phép, Hải quan cửa khẩu sẽ lập biên bản đề xử lý.

2. Theo đúng Thông tư số 128-CT tất cả các trường hợp có ngoại tệ đem vào khi nhập cảnh và đem ra khi xuất cảnh mà